

VĂN XUÔI VÕ DIỆU THANH DƯỚI GÓC NHÌN PHÊ BÌNH SINH THÁI

Nguyễn Thị Thu Giang

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Tp HCM

Email: nttgiang@agu.edu.vn

Ngày nhận: 11/11/2020; Ngày duyệt đăng: 22/12/2020

Tóm tắt

Dưới góc nhìn phê bình sinh thái, văn xuôi Võ Diệu Thanh đã thể hiện rất rõ tư tưởng sinh thái của nhà văn với những vấn đề về môi trường và những nguy cơ về sinh thái. Đặc biệt trong tình trạng biến đổi khí hậu và những tác động của nó đến văn hóa, xã hội, lịch sử tại Nam Bộ, đây là đề tài mang nhiều ý nghĩa thời sự, nhân văn trong văn học Nam Bộ, nhất là vào những năm đầu thế kỷ 21. Nữ văn sĩ đã lên án các hành vi tàn phá tự nhiên, cảnh báo về sức mạnh và sự cuồng nộ của tự nhiên. Từ đó, tác giả đã cất lên tiếng nói chủ trương tái thiết môi trường để chuộc lỗi với tự nhiên. Tất cả những nội dung đó được thể hiện bởi một thứ văn phong sinh thái rất đặc trưng, mang dấu ấn riêng của một nhà văn – nhà giáo – một người con của mảnh đất này.

Từ khóa: *phê bình sinh thái, tư tưởng sinh thái, văn học Nam Bộ, văn phong sinh thái, Võ Diệu Thanh.*

Vo Dieu Thanh's writings from the view of ecological criticism

Abstract

From the perspective of ecological criticism, Vo Dieu Thanh's writings clearly shows the writer's ecological thought with environmental problems and ecological risks. In the situation of climate change and its impacts on culture, society and history in the Southern of Vietnam, this is a topical and humanitarian article in Southern literature, especially in the early years of the 21st century. The author has condemned destructive acts of nature, warning about the power and rage of nature. Since then, the author has raised a voice of advocating for environmental reconstruction to atone for nature. All these contents are presented by a very unique ecological artistic style, bearing the own mark of a writer - teacher - a child of this land.

Keywords: *ecological artistic style, ecological criticism, ecological thought, Southern literature, Vo Dieu Thanh.*

Mở đầu

Khi nhắc đến vùng đất Nam Bộ, chúng ta thường hay liên tưởng đến hình ảnh của những *cánh đồng bất tận* như tên một truyện ngắn nổi tiếng của nữ văn sĩ Nguyễn Ngọc Tư. Đó là một vùng đất với ruộng

đồng cò bay thẳng cánh, sông rạch chằng chịt, đất đai phù sa màu mỡ, mưa thuận gió hòa, ... Thế nhưng, do chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự biến đổi khí hậu cộng với sự ô nhiễm môi trường từ sinh hoạt và sản xuất, vùng đất này đã và đang xuất hiện rất nhiều

vấn đề và những nguy cơ về sinh thái. Ô nhiễm đất, ô nhiễm nước, lũ lụt, hạn hán, đất lở, ... liên tục ập đến như những mối “họa vô đơn chí”. Và đó cũng là mối quan tâm lớn của rất nhiều nhà văn Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó không thể không kể đến những áng văn xuôi của nữ văn sĩ An Giang Võ Diệu Thanh. Tuy chỉ viết về những điều rất đời bình dị thân thương trong cuộc sống hàng ngày xung quanh mình nhưng những sáng tác của Võ Diệu Thanh được đánh giá rất cao. Nhiều bạn đọc cứ nghĩ rằng sau *Cánh đồng bất tận* của Nguyễn Ngọc Tư thì không có nhà văn Nam Bộ nào viết về vùng đất này có thể vượt qua được tên tuổi chị. Vậy mà các tác phẩm của Võ Diệu Thanh đã tồn tại, đã đứng vững được trước cái bóng quá lớn của Ngọc Tư. Nguyễn Ngọc Tư đạt giải nhất trong giải thưởng Văn học tuổi 20 lần thứ hai, Võ Diệu Thanh giải nhì trong cuộc thi Văn học tuổi 20 lần thứ tư, vẫn với đề tài về Nam Bộ thì đó cũng là một lý do thuyết phục để độc giả bước vào cuộc hành trình khám phá về văn chương Võ Diệu Thanh.

Trong các tác phẩm truyện ngắn và tản văn của mình, Võ Diệu Thanh đã thể hiện rất rõ tư tưởng sinh thái. Dưới góc nhìn của Phê bình sinh thái – một hướng nghiên cứu giàu tiềm năng, là sự lên tiếng của khoa học văn chương trước sự lâm nguy của môi trường – chúng ta thấy rằng các tác phẩm của nữ văn sĩ đã lên án các hành vi tàn phá tự nhiên, cảnh báo về sức mạnh và sự cuồng nộ của tự nhiên, từ đó rút ra bài học cảnh tỉnh cho tất cả chúng ta. Tất cả những nội dung đó được thể hiện bởi một thứ văn phong sinh thái rất đặc trưng và in đậm dấu ấn vùng miền của một nhà văn – nhà giáo – một người con của mảnh đất Nam Bộ.

1. Văn học sinh thái và phê bình sinh

thái

1.1. Văn học sinh thái

Môi trường ngày càng bị xâm hại nghiêm trọng và kéo theo đó là những hệ lụy như biến đổi khí hậu, nguồn nước cạn kiệt, không khí ô nhiễm, thiên tai tàn khốc,... Từ thực trạng đó, ngay từ những năm 70 của thế kỷ XX, văn chương thế giới đã có hàng loạt tác phẩm đề cập đến nguy cơ sinh thái, hình thành nên một dòng văn học sinh thái (*ecoliterature*) lan tỏa khắp nơi.

Văn học sinh thái không đơn thuần là văn học miêu tả tự nhiên thuần túy, khác nhau căn bản của văn học sinh thái và văn học miêu tả tự nhiên truyền thống là nó tìm hiểu và trình bày mối quan hệ giữa con người với tự nhiên cũng như địa vị của con người trong thế giới tự nhiên, ảnh hưởng của con người đối với tự nhiên và ảnh hưởng của tự nhiên đối với con người, mối liên hệ giữa vạn vật trong tự nhiên với con người. Đề tài của văn học sinh thái rất rộng: “*Một số tác phẩm có thể thậm chí hoàn toàn không miêu tả cảnh vật tự nhiên của nhà văn nhưng chỉ cần thể hiện thái độ không đồng tình với các hành vi phá hoại sinh thái, phơi bày căn nguyên văn hóa tư tưởng của nguy cơ sinh thái, là có thể xem là văn học sinh thái*” (Vương Nặc, 2003: 6).

Như vậy, văn học sinh thái là cách định danh đối với những tác phẩm văn học ra đời trong bối cảnh môi trường, sinh thái ngày càng xấu đi, trong ý thức âu lo và trách nhiệm xã hội ngày càng mạnh mẽ đối với vấn nạn này: “*Văn học sinh thái ra đời trong âu lo và khôn quẫn, khi mà các thảm họa môi trường liên tục xảy ra, đe dọa nghiêm trọng đến sự bình yên, ổn định của sự sống trên trái đất này*” (Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2017: 81). Hạt nhân tư tưởng của văn

học sinh thái chính là chủ nghĩa chỉnh thể sinh thái: “*Văn học sinh thái lấy chủ nghĩa chỉnh thể sinh thái hoặc quan niệm chỉnh thể sinh thái làm kim chỉ nam để khảo sát mối quan hệ giữa tự nhiên và con người. Văn học sinh thái còn thể hiện trách nhiệm sinh thái, lý tưởng sinh thái, phê phán mặt trái của văn minh, phản ánh nguy cơ sinh thái, nguy cơ tinh thần, nguy cơ tư tưởng và nguồn gốc xã hội của các nguy cơ đó*” (Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2017: 93). Các tác giả của văn học sinh thái đã ý thức rất sớm tính chất quan trọng của việc ứng xử hài hòa giữa con người với tự nhiên. Từ đó, tác phẩm của họ khiến cho độc giả thời hiện đại nhận thức lại mối quan hệ giữa con người với tự nhiên.

Một tác phẩm được xem là văn học sinh thái cần có những đặc trưng: phê phán chủ nghĩa nhân loại trung tâm và sự cực đoan hóa chủ nghĩa sinh thái trung tâm, lấy chủ nghĩa chỉnh thể sinh thái làm lợi ích cao nhất, kêu gọi tinh thần *chủ nghĩa nhân văn sinh thái*, nhấn mạnh nơi chốn và ý thức nơi chốn, kết hợp *tính khoa học* và *tính văn học*, có trách nhiệm sinh thái, phê phán mặt trái của văn minh, thể hiện lý tưởng sinh thái và cảnh báo nguy cơ sinh thái.

1.2. Phê bình sinh thái – một khuynh hướng nghiên cứu văn học

Tên gọi *phê bình sinh thái* do William Rueckert sử dụng vào năm 1978 trong khảo luận *Văn học và sinh thái học: một thử nghiệm mới trong phê bình sinh thái* (*Literature and Ecology: An Experiment in Ecocriticism*). Về bối cảnh và khoảng thời gian xuất hiện, theo Đỗ Văn Hiến (2012): “*Trước tình trạng môi trường toàn cầu đang ngày một xấu đi, giữa thập niên 90 của thế kỷ 20, phê bình sinh thái đã ra đời với sứ mệnh cao cả là phân tích chỉ ra căn*

nguyên văn hóa tư tưởng dẫn đến nguy cơ sinh thái, nghiên cứu quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên”. Về khái niệm, “*Phê bình sinh thái với tư cách là một khuynh hướng phê bình văn học mới, ra đời trong bối cảnh giới học thuật phản ứng trước nguy cơ môi sinh bị hủy hoại do chính con người, với mục đích thông qua văn học để thẩm định lại toàn bộ văn hóa nhân loại, tiến hành phê phán tư tưởng, chính sách, mô hình xã hội, ... đã ảnh hưởng như thế nào đến thái độ đối với tự nhiên, khiến cho môi trường lâm vào tình trạng suy thoái như hiện nay*” (Trần Thị Ánh Nguyệt, Lê Lưu Oanh, 2016: 26). Như vậy, trước áp lực của khủng hoảng môi trường, biến đổi khí hậu, phê bình sinh thái xuất hiện đáp ứng lại những đòi hỏi của thời đại về vai trò của văn học, nghiên cứu văn học trước sinh mệnh của Trái đất. Từ những năm 1970 đến nay, phê bình sinh thái từ phong trào lẻ tẻ, tản mát đã trở thành một hướng nghiên cứu năng động trên thế giới.

Phê bình sinh thái không hề có một khuôn khổ đông cứng về đối tượng, phương pháp cũng như các vấn đề chính, mà ngày càng mở rộng và phức tạp. Đó cũng là lý do vì sao phê bình sinh thái rất mở, nó có thể dung hợp nhiều lý thuyết phê bình: nữ quyền luận, giải cấu trúc, ... kể cả phương pháp tiếp cận thi pháp học để nhận diện điểm nhìn, motif cốt truyện, nhân vật, giọng điệu, Ngoài việc sử dụng những phương pháp và thao tác nghiên cứu văn học, phê bình sinh thái là một hướng nghiên cứu liên ngành, kết hợp văn học với khoa học, phân tích tác phẩm văn chương để rút ra những cảnh báo môi trường.

Trong chuyên luận *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*, Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017: 157) đã nêu định nghĩa về

phê bình sinh thái như sau: “*Phê bình sinh thái là phê bình văn học nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và tự nhiên từ định hướng tư tưởng của chủ nghĩa sinh thái, đặc biệt là chủ nghĩa chỉnh thể sinh thái thông qua việc khám phá thẩm mỹ sinh thái và biểu hiện nghệ thuật của nó trong tác phẩm*”. Trong định nghĩa này, chúng ta đặc biệt chú ý đến hai vấn đề trọng tâm có ý nghĩa gợi dẫn con đường để đi vào nghiên cứu văn học từ góc nhìn phê bình sinh thái: (1) nghiên cứu và tìm hiểu sự chuyển đổi từ tư tưởng *nhân loại trung tâm luận* (con người là trung tâm) sang tư tưởng *sinh thái trung tâm luận* (sinh thái là trung tâm), từ sự thay đổi toàn bộ hệ thống này mà tác phẩm văn học đã nêu lên những vấn đề về trách nhiệm sinh thái, phê phán mặt trái của văn minh, thể hiện lý tưởng sinh thái và cảnh báo những nguy cơ sinh thái như thế nào, (2) khám phá việc thể hiện tinh thần văn hóa sinh thái thông qua *tính văn học*, nghĩa là phân tích và tìm hiểu phong cách nghệ thuật của tác giả trong khi đề cập đến những vấn đề về sinh thái.

Như vậy, phê bình sinh thái không chỉ lấy chủ nghĩa chỉnh thể sinh thái làm tư tưởng triết học nền tảng mà còn lấy thẩm mỹ sinh thái làm nguyên tắc chỉ đạo. Nếu không xác định được nguyên tắc mỹ học riêng, phê bình sinh thái sẽ không khác gì các hoạt động nghiên cứu môi trường thông thường. Phê bình sinh thái, vì vậy, cần phải *một chân đặt ở địa cầu, một chân đặt ở văn học*, đó chính là sự cân bằng giữa giá trị sinh thái và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Đó cũng chính là kim chỉ nam, là con đường dẫn lối để chúng ta có thể đi sâu nghiên cứu và tìm hiểu văn xuôi Võ Diệu Thanh dưới góc nhìn phê bình sinh thái.

2. Văn xuôi Võ Diệu Thanh dưới góc

nhìn của phê bình sinh thái

2.1. Những vấn nạn về sinh thái Nam Bộ: những nổi bất an sinh thái

Cảm hứng chủ đạo của phê bình sinh thái là cảm hứng phê phán. Phê bình sinh thái chỉ ra căn nguyên của những thảm họa môi trường hiện nay xuất phát từ tư tưởng thống trị tự nhiên, tự coi mình là chúa tể, khai thác, chiếm đoạt, vô trách nhiệm mà không chú ý đến sự phát triển bền vững. Cảm hứng phê phán đó gắn liền với ý thức về con người “tội đồ” khiến cho Trái đất ngày càng kiệt quệ. Và chính con người sẽ phải gánh chịu hậu quả nặng nề của biến đổi khí hậu, thiên tai, mất cân bằng sinh thái. Khi con người phá hủy môi trường tự nhiên thì cũng chính là họ đã phá hủy cuộc sống của chính mình. Điều đó không chỉ thể hiện qua những thảm họa thiên tai, mà đáng sợ hơn, sự biến mất của thiên nhiên khiến cho con người đánh mất tinh thần, đánh mất ký ức, đánh mất quá khứ, ... Con người cần nhận thức lại niềm kính sợ với sinh mệnh tự nhiên, nhận ra sự mong manh của sinh tồn trên toàn bộ hành tinh, nếu không, chính cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên bất an hơn bao giờ hết.

Môi trường, sinh thái trong văn xuôi Võ Diệu Thanh tập trung vào khu vực nông thôn mà cụ thể là vùng đất Nam Bộ với những vấn đề về sinh thái – nông thôn mang tính thời sự. Các tác phẩm của Võ Diệu Thanh đã lên án sự “bóc lột” tự nhiên, phá vỡ cân bằng sinh thái và cảnh báo về các nguy cơ sinh thái. Con người đã tàn phá thiên nhiên và phá hủy môi trường tự nhiên bằng nhiều cách: khai thác thiên nhiên để phục vụ cho cuộc sống và sản xuất, khai thác đến cạn kiệt các sản vật của thiên nhiên, xả rác thải một cách vô trách nhiệm, tùy tiện và vô ý thức, tàn phá thiên nhiên để

phục vụ cho lợi ích riêng của bản thân mình,... Theo Bùi Thanh Truyền và cộng sự (2019: 283), đó chính là “*những vết chém tàn độc vào môi sinh*”, cộng với hậu quả của biến đổi khí hậu dẫn đến hậu quả là nạn ô nhiễm môi trường (ô nhiễm đất, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm thức ăn), sạt lở đất, cạn kiệt đặc sản thiên nhiên, thiên tai (lũ lụt, hạn hán),...

Chúng ta rất dễ bắt gặp trong những tác phẩm truyện ngắn và tản văn của Võ Diệu Thanh hình ảnh của những cánh đồng khi thì lũ lụt, lúc thì hạn hán: “*một năm có hai mùa: mùa hạn và mùa nước “linh binh”, “cánh đồng hạn dài đang chờ nước, một đồng lúa đương thì đang giữa mùa bão lũ nhấn chìm mọi thứ*” (Võ Diệu Thanh, 2016). Người dân miền sông nước vì vậy đã quá quen thuộc với cái cảnh đói nghèo, thậm chí là chết chóc vào mùa nước lũ: “*Năm đó nước lên cao đặng cánh én nhà, má bơi xuống đi bán khoai mì nấu, bị trận giông nhận chìm xuống rồi đẩy má trôi xa mịt*” (Võ Diệu Thanh, 2010: 43). Môi trường sống ở nông thôn vốn thường rất trong lành thì nay đã bắt đầu bị ô nhiễm với sự xâm chiếm của rác thải: xung quanh toàn là rác, rác trên sông, rác trên mặt đất, những cái đầm đọng nước đen quanh năm. Các loại phân bón, thuốc trừ sâu đã khiến cho đất đai và nguồn nước bị ô nhiễm nặng nề. Nguồn nước sinh hoạt cũng bị ô nhiễm trầm trọng, thật đúng là một nghịch lý khi mà: “*Nhà ở bên bờ con sông Cửu Long đầy nước quanh năm nhưng nước trong nhà không đảm bảo sạch mà còn phải xài tiện tận từng ca*” (Võ Diệu Thanh, 2016: 112).

Không chỉ bị đe dọa bởi sự ô nhiễm môi trường, nguồn thức ăn cũng bị nhiễm độc: “*Nhọc nhàn với từng bữa chọn thức ăn. Ăn cái gì cũng bệnh, toàn những căn bệnh*

đi trước tiến bộ y khoa. Đói cá sạch đi kèm với đói thuốc” (Võ Diệu Thanh, 2016: 103). Đặc sản thiên nhiên cũng ngày càng khan hiếm dẫn đến việc người dân nơi đây “đói cá sạch”: “*Vùng sông nước Cửu Long giữa thời nông nghiệp tràn hóa chất, cá mắm tự nhiên đang cạn kiệt nên được xếp vào hàng đặc sản*” (Võ Diệu Thanh, 2016: 50).

Người ta hay gọi miền Tây là miền sông nước bởi nơi đây có hệ thống sông ngòi chằng chịt, là vùng đất chín rồng với những con sông chở nặng phù sa, đầy ắp cá tôm, xuồng ghe tấp nập. Và tự bao giờ hình ảnh dòng sông đã đi vào trong những tác phẩm văn học Nam Bộ một cách tự nhiên như một phần không thể thiếu, trở thành một biểu tượng góp phần tạo nên cái hồn cốt và bản sắc văn hóa riêng của vùng đất này. Dòng sông – người mẹ thiên nhiên – đã nuôi sống con người Nam Bộ tự bao đời, thế nhưng, chỉ vì những lợi ích riêng của mình mà họ đã đang tâm hủy hoại thiên nhiên một cách tàn nhẫn, chẳng hạn như hành vi khai thác trái phép dưới lòng sông của bọn “cát tặc”. Nhân vật Thiện trong tản văn *Trên Hàm Éch* có tuổi nghề thổi cát hàng chục năm, y đã làm giàu nhờ dòng nước: “*Toàn cát vàng, hút hoài còn hoài, hút nhấp nháy đã đầy sà lan, người ta giàu có nhờ cát. Cát đang hút, cát đang đổ đống, cát đang tràn vào những cái nền lênh láng*” (Võ Diệu Thanh, 2015: 25). Cái nghề ấy đã mang đến cho nhiều người những món lợi kékch xù: “*Những ngôi biệt thự, cái xe hơi, cả những khoản tiền trong ngân hàng đều có được từ cái chỗ tòi tẹt như vậy*” (Võ Diệu Thanh, 2015: 21). Hậu quả của những hành vi khai thác trái phép tài nguyên thiên nhiên đó là nạn sạt lở đất: “*Xóm Cây Dương đường lờ hết rồi, không còn ai, cát chảy sạch chân, ... nhà cửa lật xuống sông hết rồi. Người ta đã*

đi từ tán. Có lần một đồng chà đã bị chìm nhanh khi đang dỡ cá. Bao nhiêu cá, lưới và nhánh me nước chìm sạch trong đáy nước sâu mút chì” (Võ Diệu Thanh, 2015: 16). Cả một xóm làng đông đúc mà giờ đây Xóm Cây Dương chỉ còn là miền đất chết, cảnh tượng hoang tàn, bi thảm, không một bóng người, chỉ còn là “một bến sông vắng ngắt. Bến lở nhìn hăm đưng như một đáy vực”, “bóng người chết còn ở đây”. Thiên nhiên nổi giận và con người phải hứng chịu hậu quả: “Chỗ đó nước gội miệt mài. Có lần nó nuốt nguyên một khu phố ở khúc chợ. Hàng hàng nhà lật xuống sông. Người đang ngủ trong nhà mở mắt ra đã thấy mình nằm giữa lòng nước” (Võ Diệu Thanh, 2015: 45).

Con người không chỉ khai thác thiên nhiên để thu về lợi ích kinh tế mà còn tàn phá thiên nhiên để phục vụ cho những thú vui vốn xưa nay được gọi là “tao nhã” – thú chơi cây kiềng – của mình: “Biết bao người vì đốt nát đã tàn sát cho bằng hết những lão kiềng hiếm hoi. Vốn dĩ chúng lặng lẽ trường tồn ở một góc núi vạt rừng hay một cánh đồng hoang vắng. Mưa dầm nắng dãi, chúng vẫn sống” (Võ Diệu Thanh, 2015: 29). Nhưng khi chúng phải rời xa chốn ở quen thuộc của mình, rơi vào tay con người, được xị tí nước, rờ rẫm, mân mê, phải gồng mình uốn lượn theo cái dáng làm hài lòng ý muốn của người chơi kiềng, những đứa con của núi rừng ấy đã chết: “Suốt một quãng thời gian dài đã chịu đựng ông trong môi mòn kinh hãi. Nó đã vừa rên xiết vừa buông thõng tay thả từng chiếc lá nhỏ gọn thanh tao. Nó cất tiếng kêu thảng thốt trong tuyệt vọng? ... người ta đón nó trụ trợ, xô bật rế trong mưa, phơi lụi tàn trong nắng, nó vẫn cố dành dụm từng giọt nhựa để sinh tồn. Ông đã giết nó bằng quá nhiều yêu thương”

(Võ Diệu Thanh, 2015: 33). Ông yêu thương nó hay ông chỉ vì cái sở thích riêng ích kỷ của mình mà vô tình giết chết cây kim quýt trăm năm ấy. Những gì thuộc về thiên nhiên xin hãy trả chúng về với thiên nhiên, bởi “nó là cây, nó cần tĩnh”, có sao con người “cứ phiến hà nó hoài không biết” (Võ Diệu Thanh, 2015: 29).

Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng, dưới góc nhìn của phê bình sinh thái, tản văn Võ Diệu Thanh đã tập trung vào những vấn đề sinh thái Nam Bộ với việc phơi bày sự biến dạng của môi trường nông thôn. Và tác giả cũng đã cố gắng truy tìm nguồn gốc của những nguy cơ sinh thái ấy: “Chúng ta hủy diệt thiên nhiên để đời sống vật chất của chúng ta dồi dào. Thiên nhiên đang mất cân đối. Và chúng ta đang hứng chịu những bất bình của nó. Thời tiết không thuận lợi, mùa màng thất bát, không khí, thức ăn ngày càng độc địa, bệnh hoạn thất thường” (Võ Diệu Thanh, 2015: 126). Loài người đã ngày càng đi xa vòng tay nhân ái của tạo hóa, họ chính là kẻ tội đồ và cũng chính là những nạn nhân hứng chịu tất cả những hậu quả do mình gây ra.

2.2. Chủ trương tái thiết môi trường, chuộc lỗi với tự nhiên

Ngoài việc phơi bày bộ mặt sinh thái thảm hại của nông thôn Nam Bộ với những chấn thương sinh thái vô cùng nhức nhối, tản văn Võ Diệu Thanh còn chủ trương tái thiết môi trường. Thông điệp ấy không cất lên, không được hô hào như một khẩu hiệu mà được thể hiện một cách tinh tế, nhẹ nhàng thông qua nỗi tiếc nhớ về một cái “thuở xưa”, khi thiên nhiên còn hoang sơ, chưa bị bàn tay con người tàn phá. Rất nhiều lần, Võ Diệu Thanh đã miêu tả vẻ đẹp của những cảnh sắc thiên nhiên hoang sơ và của ngày xưa, để chúng ta thấy được giá trị

của môi trường tự nhiên trong lành, vô nhiễm. Đó là cái thuở mà vào mùa nước giụt, trên Mương Dú ở biên giới: “*Miệt đó cá dữ lăm, ..., tháng mười, cá chạy*” (Võ Diệu Thanh, 2015: 445), “Cái thuở cá linh còn lội xanh mặt nước” (Võ Diệu Thanh, 2015: 51); là cảnh sắc thiên nhiên nguyên sơ, trong lành trên đỉnh núi Cẩm với những phiên chợ dân dã, với những quang gánh hàng rong lặng lẽ và trầm tĩnh trong *Bước chân chợ núi*. Vẻ đẹp giản dị, mộc mạc của những phiên chợ núi được miêu tả dưới con mắt nhìn đầy tinh tế của người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”: “*Một chút hoa quả trên quang gánh thân quen, một chút nắng ấm bên con đường nhỏ gập ghềnh, mùa xuân vẫn cứ xôn xao theo từng bước chân chợ núi*” (Võ Diệu Thanh, 2015: 10); là nơi mà con người và thiên nhiên cùng chung sống với nhau một cách hòa hợp trong cái khung cảnh “*không khí trong lành, cỏ cây hoang sơ*” (Võ Diệu Thanh, 2015: 27).

Con người thời hiện đại luôn cảm thấy bất an, lo âu bởi nạn ô nhiễm, thiên tai, dịch bệnh, ... Và quay trở lại, tìm đến đời sống tự nhiên an lành, bình lặng chính là một cách phản ứng với cuộc sống bất an hiện thời. Trở về với tự nhiên chất phác, với giấc mơ thời thơ bé, với nguồn cội nguyên sơ, là một phương cách giữ gìn nhân tính. Niềm hoài niệm không nguôi về làng quê, nơi gìn giữ những kỉ niệm ấu thơ, nơi lưu giữ những giá trị tinh thần, nhưng đã ít nhiều phai pha tạo nên những ám ảnh khôn nguôi trên những trang viết của Võ Diệu Thanh: “*Từng đám rong trên cái sân gạch cũ, đàn kiến vàng trên mấy gốc măng cầu gai, đám rau má bò lan trên bụi chuối, nòng tiên cứu lẩn quần dâu đó trong từng giấc mơ dại. Nơi đó đẹp như miền cổ tích. Đó là những hình ảnh quê mùa thấm tận ruột gan tôi*” (Võ Diệu

Thanh, 2015: 79). “Nơi chốn” – nhỏ là ngôi nhà, lớn là Trái đất, vũ trụ, nhưng cụ thể là bất cứ không gian nào cũng có thể là nơi trở về trên ý nghĩa tinh thần và tâm lý của nhân loại. Xây dựng ý thức về nơi chốn, văn học sinh thái giúp con người quan tâm và gần gũi với nơi mình sinh sống, xem đó là nơi trú ngụ của tâm hồn để từ đó hình thành ý thức trách nhiệm.

Nhấn mạnh nơi chốn và ý thức về nơi chốn cũng chính là một trong những đặc trưng của văn học sinh thái: “*Xây dựng ý thức về nơi chốn, văn học sinh thái giúp con người quan tâm và gần gũi với nơi mình sinh sống, xem đó là nơi trú ngụ của tâm hồn để từ đó hình thành ý thức trách nhiệm*” (Bùi Thanh Truyền, 2019: 44).

2.3. Đặc sắc nghệ thuật văn xuôi sinh thái Võ Diệu Thanh

Văn học sinh thái có sự kết hợp giữa tính khoa học của thể loại phi hư cấu và tính văn học đặc thù của loại hình nghệ thuật ngôn từ. Tính khoa học trong văn xuôi sinh thái Võ Diệu Thanh thể hiện những kiến thức của nhà văn về thế giới tự nhiên. Qua tác phẩm, độc giả hiểu biết nhiều hơn về thế giới mà mình đang sống, hiểu biết để trân quý, yêu thương và bảo vệ. Đó là con đường đi từ lý trí đến tình cảm của “tính khoa học”. Đồng thời con đường đó cần phải có những nhịp cầu thẩm mỹ của thi pháp văn chương, thể hiện văn tài của tác giả và tạo nên sức hấp dẫn, sức thanh tân cho tác phẩm văn học sinh thái.

Những áng văn xuôi viết về sinh thái của Võ Diệu Thanh tập trung vào đề tài nông thôn Nam Bộ với không gian bao la của vùng sông nước, với hình ảnh những cánh đồng mênh mông, với những con sông quê chờ nặng nghĩa đất, tình người: “*Bến sông quê nội tôi, một bến nhỏ ven bờ Hậu*

Giang, hễ tới mùa nước nổi là xóm làng chìm giữa lênh đênh” (Võ Diệu Thanh, 2016: 98). Nơi đó có những người dân quê chất phác và hồn hậu. Đó chính là không gian nghệ thuật mang bản sắc vùng miền của Võ Diệu Thanh nói riêng và những nhà văn Nam Bộ nói chung. Ngoài ra, dấu ấn vùng miền trong các phương diện nghệ thuật trong sáng tác Võ Diệu Thanh còn thể hiện ở ngôn ngữ địa phương trong tác phẩm với sự xâm thực mạnh mẽ của ngôn ngữ đời sống Nam Bộ (tiếng địa phương, khẩu ngữ,...): “*Mùa nước giụt, cha dẫn Ba Căn cùng mấy người trong xóm đi luân theo biên giới bắt cá, miệt đó cá dữ lắm. Một bận “ăn cá” trên Muong Dú về Ba Căn khoe: “Em gặp một cô tên Mến, nhà ở Muong Dú, giỏi gì mà thấy thương luôn chị ơi, mà giỏi nhất là làm mắm. Tháng mười cá chạy, em với cô đi rà cá linh về cắt đầu nhận mắm, để dành mùa ít cá bán, em khỏi lên miệt trên bắt cá”*”. Mắt Hai Thương *sáng trung*: “*Cười đi! Chị chẻ ống cho em cười nghe*”. Ba Căn nghe rặng cười: “*Đợi em với ba đi thêm đợt cá này kiếm một mớ tiền*” (Võ Diệu Thanh, 2010: 44).

Ngoài việc sử dụng một cách đậm đặc tiếng địa phương và khẩu ngữ, ngôn ngữ văn xuôi Võ Diệu Thanh còn thể hiện rất rõ bản sắc vùng miền thông qua việc nữ văn sĩ đặt tên cho các nhân vật của mình với những cái tên rất Nam Bộ: bà Tư, Ba Quăng, chị Tư, thằng Sáu, thằng Út, thằng Quyet (*Những bước chân lữ cũ*), Miêng (*Lời thể đá*), Mững, Nhì, Hiệ (*Heo nọc kiếng*), Ba Căn, Hai Thương, cu Thiện, bà Ba già (*Đứa trôi sông*), Nhưong, cu Quậy (*Hạnh phúc của người đàn bà*), chú Tám, Út Lim, Hai Lụa (*Bức thêu Quan Âm*), ...

Nhờ vận dụng linh hoạt nhiều kiểu ngôn ngữ nên truyện ngắn và tản văn của

của Võ Diệu Thanh rất hấp dẫn và tràn đầy sức sống, góp phần tạo nên cái hồn đất chất người trong văn học Nam Bộ. Chính nhà văn đã từng bày tỏ: “*Ngôn ngữ, không khí Nam Bộ đã thấm vào tôi từ môi trường sống. Bây giờ muốn gột bỏ cũng không dễ*” (Võ Diệu Thanh, 2010: 2). Võ Diệu Thanh đã biết tận dụng thế mạnh của phương ngữ, chi khai thác mỏ quặng của đời nhằm biến chúng thành “đặc sản” riêng. Thông qua ngôn ngữ, chị đưa người đọc bước vào một thế giới nhân vật của miền Tây sông nước: chất phác, thật thà và gần gũi.

Xét về thể loại, văn xuôi Võ Diệu Thanh bao gồm truyện ngắn và tản văn. Với truyện ngắn, nữ văn sĩ đã xây dựng được rất nhiều tình huống truyện độc đáo. Tình huống đóng một vai trò cực kỳ quan trọng. Cái quan trọng nhất của truyện ngắn là tạo ra một tình huống nào đó và từ tình huống làm nổi bật một tính cách nhân vật, hay một tâm trạng. Điển hình như truyện ngắn *Trên Hàm Éch*. Tác giả đã để cho nhân vật Thiện - một tên cát tặc, một kẻ tội đồ - được tận mắt chứng kiến hậu quả mà mình gây ra, và để cho y nằm ngay tại cái lằn ranh giữa sự sống và cái chết, truyện ngắn *Trên Hàm Éch* đã giống lên hồi chuông cảnh báo con người: khi chúng ta hủy hoại thiên nhiên cũng chính là chúng ta đã hủy hoại môi trường sống của chính mình và đẩy nhân loại đến gần với cái chết và sự diệt vong: “*Giờ Thiện cũng đang ngồi trên mỏ cát. Nhưng Thiện lại đang nghĩ tới xương cốt và nắm mồ, ... nắm mồ hình một dòng sông*” (Võ Diệu Thanh, 2015: 25). Chính từ tình huống truyện độc đáo như thế, nạn cát tặc ở một miền quê sông nước đã được phơi bày, từ đó khiến cho độc giả có thể thấy rõ lòng tham của con người và mặt trái của văn minh. Ngoài ra, Võ Diệu Thanh còn rất

thành công trong việc lồng ghép các tình huống và gia giảm tối đa cốt truyện sự kiện, gia tăng tối đa cốt truyện tâm lý.

Nếu như ở truyện ngắn, Võ Diệu Thanh gây ấn tượng với bạn đọc bằng những tình huống truyện độc đáo, từ đó góp phần đắc lực trong việc chuyển tải những câu chuyện về sinh thái, thể hiện tư tưởng sinh thái của nhà văn thì đến với tản văn, chúng ta lại hay bắt gặp giọng điệu triết lý, suy ngẫm. Mỗi tác phẩm tản văn được khéo léo lồng ghép những thông điệp hay những triết lý thú vị khác nhau về môi trường, về sinh thái. Những thông điệp ấy vừa mang tính đúc kết, vừa đặt vấn đề cho bạn đọc suy ngẫm, và cũng có khi là đó chính là sự trải nghiệm của nhân vật. Chất giọng triết lý, suy ngẫm được chệch lấy cũng từ cuộc sống đời thường qua vốn sống của mình: “*Khoa học có công làm ra được nhiều phương tiện để phục vụ cho con người, đồng thời cũng chứng minh không có thiên đường, địa ngục. Nhưng chính điều đó đã đẩy loài người đi xa vòng tay nhân ái của tạo hóa. Chúng ta hủy diệt thiên nhiên để đời sống vật chất của chúng ta dồi dào. Thiên nhiên đang mất cân đối. Và chúng ta đang hứng chịu những bất bình của nó. Thời tiết không thuận lợi, mùa màng thất bát, không khí, thức ăn ngày càng độc địa, bệnh hoạn thất thường*” (Võ Diệu Thanh, 2015: 126). Nhà văn không lên giọng dạy đời hay rao giảng bài học đạo đức mà triết lý ấy tan chảy vào trong lời ăn tiếng nói hằng ngày: “*Thật ra là tôi đòi hỏi ngược đời khi muốn ăn lại những tô bún ngày xưa trong quán nhỏ bây giờ. Vùng sông nước Cửu Long giữa thời nông nghiệp tràn hóa chất, cá mắm tự nhiên đang cạn kiệt nên được xếp vào hàng đặc sản. Bỏ tiền mua đặc sản để nấu những nồi bún ngọt lành thơm phức có lẽ mỗi tô bún phải tính giá*

năm bảy chục ngàn. Trong khi đó những tô bún bên đường của xứ An Giang giá vẫn rẻ như cái thuở cá linh còn lội xanh mặt nước, hương vị nhạt nhòa là lẽ đương nhiên. Nghĩ được tới đó nên tôi đành thắp ba cây nhang xin tạ từ giấc mơ mở quán bún. Có gì thì ăn gì, có mê mẩn tới đâu thì tôi cũng không thể nằm ngoài quy luật” (Võ Diệu Thanh, 2015: 51).

Về chiến lược tự sự, văn xuôi Võ Diệu Thanh có sự phối hợp linh hoạt giữa điểm nhìn bên trong (điểm nhìn tác giả trùng với điểm nhìn nhân vật) và sự di động điểm nhìn từ người kể chuyện sang nhân vật (phương thức đa điểm nhìn). Từ điểm nhìn bên trong, tiếng nói của nhân vật trong truyện ngắn và tản văn Võ Diệu Thanh gần như hòa đồng với tiếng nói tác giả, điểm nhìn nhân vật gần như trùng khít điểm nhìn tác giả: “*Tôi thích không khí lặng lẽ nhẹ nhàng nơi họ sống. Nơi ấy bao giờ cũng tràn trề một làn hơi trong lành của những ngày thơ ấu của tôi, ngày mà con người và thiên nhiên như là một*” (Võ Diệu Thanh, 2016: 15). Người con của mảnh đất Nam Bộ đã nói về vẻ đẹp của một thời xưa cũ, cái thời mà con người được đắm mình trong sự thuần khiết của thiên nhiên với giọng điệu tâm tình thủ thỉ từ điểm nhìn bên trong của người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng tôi: “*Tôi luôn nói đó là nhà tôi. Mà có bao giờ tôi được ở đó nhiều, trừ những ngày mới rời lòng mẹ. Lâu lâu ghé qua như một người khách, chỉ ở lại được mươi ngày. Ngôi nhà nơi tôi chào đời vẫn cứ xéo xắt tôi. Mỗi bận tới rạo rức vui, mỗi bận về đong nước mắt. Từng đám rong trên cái sân gạch cũ, đàn kiến vàng trên mấy góc măng cầu gai, đám rau má bò lan trên bụi chuối, nàng tiên cứ lẩn quẩn đâu đó trong từng giấc mơ thơ dại. Nơi đó đẹp như miền cổ tích*” (Võ Diệu

Thanh, 2016: 79).

Nhân vật đóng vai trò người trần thuật *xung tôi* chính là một hình thức hoá thân của tác giả. Nhà văn ẩn sau người kể chuyện để độc giả tưởng nhân vật độc lập trong suy nghĩ, nhận xét, bình phẩm nhưng thực chất tác giả thể hiện gián tiếp thái độ của mình với cuộc đời thông qua nhân vật. Xét đến cùng, hầu hết nhân vật được thừa hưởng trường nhìn chủ quan của tác giả khi đóng vai trò kể chuyện. Tác giả và nhân vật dù có khoảng cách, song bao giờ quan niệm của cái tôi sáng tạo cũng được bộc lộ ít nhiều qua điểm nhìn của nhân vật.

Trong các tác phẩm của mình, Võ Diệu Thanh quan tâm nhiều đến con người tâm trạng trong thời đại đầy bất an với những vấn đề về sinh thái – môi trường. Thay vì nhìn cuộc sống bằng cái nhìn khách quan hoá, chị đã nhập vai cùng nhân vật, nhìn bằng điểm nhìn nhân vật để lý giải thế giới nội tâm phức tạp của con người trong xã hội hiện đại với sự di chuyển điểm nhìn từ hướng ngoại đến hướng nội. Vì nếu không di động điểm nhìn mà cứ đứng ngoài quan sát thì thật khó để khơi tỏ lòng người. Sự tài tình của chị ở cách bố trí, dàn xếp truyện nhằm kiểm soát việc kể. Một người kể song đứng ở nhiều điểm nhìn khác nhau để kể và liên tục đẩy đưa điểm nhìn. Chẳng hạn như trong truyện ngắn *Trên Hàm Éch*, Võ Diệu Thanh đã phối hợp khéo léo và luân phiên giữa hai điểm nhìn: của anh xe ôm và của Thiện. Từ điểm nhìn của nhân vật người đàn ông xe ôm, tác giả đã giúp cho độc giả cảm nhận được tâm trạng bất an của một người dân quê khi chứng kiến xóm làng của mình bị tàn phá do nạn khai thác cát bừa bãi dưới lòng sông: “*Hồi xưa lũ lụt ngập tới cánh én, nước chảy như cắt họng mà cái xóm này tồn tại mấy trăm năm. Giờ đây lũ không còn mà*

sao đất lở nhìn chóng mặt, mới đó mà đã lở đứt cái xóm dài mấy trăm nóc nhà? Giờ thì không còn cái xóm đó nữa. Nói tới buồn thúi ruột anh biết không?” (Võ Diệu Thanh, 2016: 17). Còn từ điểm nhìn bên trong của một tên “cát tặc” (nhân vật Thiện), chúng ta cảm nhận được sự ăn năn, hối lỗi của một kẻ tội đồ khi tận mắt chứng kiến những hậu quả do mình gây ra: “*Thiện sống cả đời với cát, lăn lộn đủ thứ bởi cát, giàu có nhờ cát. Cát đang hút, cát đang đổ đọng, cát đang tràn vào những cái nền lênh láng. Có những đêm ngủ mơ Thiện thấy mình ngồi trên cát. Xung quanh đầy cát vàng. Giờ Thiện cũng đang ngồi trên mỏ cát. Nhưng Thiện lại đang nghĩ tới xương cốt và nắm mồ. Không phải nắm mồ hình đôi cát mà nắm mồ hình cái sà lan? Hay nắm mồ hình một dòng sông”* (Võ Diệu Thanh, 2016: 25). Cũng là một nỗi niềm ân hận và day dứt muộn màng nhưng khác với Thiện, nhân vật ông lão mê kiếng trong *Tiếng khóc của trăm năm* lại đau đớn nhận ra mình đã yêu thương cây kim quý trăm năm – đứa con của đại ngàn – sai cách. Ông đã mang nó ra khỏi môi trường sống tự nhiên hoang dã và phù hợp nhất với nó, khiến cho nó phải khô héo mà chết đi một cách tức tưởi: “*Cho tới lúc ông cảm thấy đuối. Ông cảm thấy sự chờ đợi của mình đã cạn kiệt. Ông nhìn kỹ lại. Những vết thẹo trên thân cho biết là ông đã cần mãi như thế nào. Ông biết là suốt một quãng thời gian dài đã chịu đựng ông trong mỗi mòn kinh hãi. Nó đã vừa rên xiết vừa buông thông tay thả từng chiếc lá nhỏ gọn thanh tao. Nó cất tiếng kêu thảng thốt trong tuyệt vọng? ...người ta đón nó trụ trợ, xô bật rẽ trong mưa, phơi lụi tàn trong nắng, nó vẫn cố dành dụm từng giọt nhựa để sinh tồn. Ông đã giết nó bằng quá nhiều yêu thương”* (Võ Diệu Thanh, 2016: 33).

Như vậy, ngoài điểm nhìn tác giả trùng với điểm nhìn nhân vật, Võ Diệu Thanh còn sử dụng linh hoạt sự thay đổi điểm nhìn và tất cả đều chịu sự chi phối của điểm nhìn tác giả. Nhờ sự linh động trong di chuyển điểm nhìn, quan niệm của nhà văn – chủ thể sáng tạo – đã được bộc lộ phong phú và nhiều chiều hơn.

Kết luận

Dưới góc nhìn phê bình sinh thái, văn xuôi Võ Diệu Thanh đã đề cập đến những vấn đề về sinh thái Nam bộ mang tính thời sự với một phong cách nghệ thuật độc đáo: gắn bó với ngôn ngữ, không gian và văn hóa đặc trưng Nam bộ; nghệ thuật trần thuật, điểm nhìn, giọng điệu và kết cấu tác phẩm vô cùng đa dạng và linh hoạt. Sự kết hợp của nhiều phương thức nghệ thuật trong những áng văn xuôi thấm đẫm tinh thần vì môi trường sinh thái của Võ Diệu Thanh đã làm bật lên những thông điệp về môi trường đầy nhân văn, khiến cho văn xuôi của nữ tác giả này lay động người đọc, khơi gợi ở họ tình yêu tự nhiên, ý thức và trách nhiệm đối với thế giới tự nhiên. Đó cũng chính là vai trò của người nghệ sĩ trong cuộc chiến bảo vệ trái đất của con người, với ước mơ và khao khát về một thế giới mà nơi đó con người và vạn vật cùng chung sống thuận hòa, cộng sinh trên tinh thần tôn trọng, bình đẳng, cùng có lợi. Con người cần ý thức về thân phận “nạn nhân” của mình trong mối quan hệ với tự nhiên, nhắc nhở nhân loại về địa vị thực sự của mỗi thành tố trong sinh quyển, biết cách kính sợ sinh mệnh tự nhiên để yên ổn và hạnh phúc. Chúng ta phải thay đổi thái độ và cách ứng xử với tự nhiên để tránh đi những thảm họa sinh thái trong tương lai.

Với việc nghiên cứu và tìm hiểu văn

xuôi Võ Diệu Thanh từ góc nhìn phê bình sinh thái, chúng ta có thể khẳng định rằng nghiên cứu văn học từ góc nhìn sinh thái học là công việc cần làm, phải làm của người trong cuộc, thể hiện sự hồi đáp của khoa học văn chương đối với tiếng kêu cứu của môi trường, sinh thái.

Tài liệu tham khảo

Bùi Thanh Truyền (chủ biên), Nguyễn Thị Tịnh Thy, Trần Thị Ánh Nguyệt, Nguyễn Hồng Anh, Trần Kim Thanh, Văn Thành Lê, Phạm Ngọc Lan, Đặng Thị Thái Hà (2019). *Phê bình sinh thái với văn xuôi Nam Bộ*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa văn nghệ.

Đỗ Văn Hiếu (2012). Phê bình sinh thái – khuynh hướng văn học mang tính cách tân. *Tạp chí Sông Hương*, số 285 (T.11-12), <http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c273/n11088/Phe-binh-sinh-thai-khuynh-huong-nghien-cuu-van-hoc-mang-tinh-cach-tan.html>.

Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017). *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.

Trần Thị Ánh Nguyệt, Lê Lưu Oanh (2016). *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975 từ góc nhìn phê bình sinh thái*. Hà Nội, Nxb Giáo dục Việt Nam.

Vương Nặc (2003). *Áu Mỹ sinh thái văn học*. Bắc Kinh xuất bản xã.

Võ Diệu Thanh (2010). *Cô con gái ngược*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.

Võ Diệu Thanh (2015). *Con nước say mèm*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ.

Võ Diệu Thanh (2016). *Bờ vai cho cả bờ vai*. Tp Hồ Chí Minh, Nxb Văn hóa văn nghệ.

VAI TRÒ CỦA DỊCH THUẬT, BÁO CHÍ ĐỐI VỚI SỰ RA ĐỜI VÀ